TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2017/DS-ST
Ngày 22-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Phú Tâm.

BÀ Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2017/TLST- DS ngày 10 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2017/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; Trụ sở: 198 A, phường B, quận HK, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: 79/8, khu phố BĐ, phường A, thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Sỹ H , sinh năm 1993, cán bộ phòng khách háng bán lẻ Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh S ; địa chỉ: 79/8, khu phố BĐ , phường A , thị xã DA , tỉnh Bình Dương (giấy ủy quyền số 70/UQ-STH-HCNS ngày 17/3/2017), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Quang B, sinh năm 1982; thường trú: Ấp 5, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ nơi làm việc: 79/8 khu phố BĐ, phường A, thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2017, quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, anh Lê Sỹ H trình bày:

Anh Đoàn Quang B là nhân viên phòng Ngân quỹ của Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) nên ngày 09/12/2015, anh B được cấp tín dụng theo chương trình cho vay không có tài sản đảm B dành cho nhân viên của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 0071/KHTN-CBVCB với số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 5.5%/ năm, thời hạn vay 60 tháng, phương thức thanh toán trả góp tiền nợ gốc mỗi tháng 3.330.000 đồng vào ngày 02 hàng tháng, tiền lãi tính trên dư nợ gốc còn lại. Thực hiện hợp đồng anh B đã nhận đủ tiền nhưng mới thanh toán cho Ngân hàng được 07 kỳ với số tiền 35.077.000 đồng, từ tháng 02 năm 2017 anh B không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần.

Ngày 24/9/2012, Ngân hàng cấp cho anh B 01 thẻ tín dụng quốc tế theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng với hạn mức ban đầu là 10.000.000 đồng, đến ngày 26/02/2016 anh B yêu cầu thay đổi hạn mứ c thẻ từ 10.000.000 đồng lên 150.000.000 đồng với thời gian thay đổi từ ngày 29/02/2016 đến ngày 29/5/2016 và được Ngân hàng chấp thuận. Thời gian thanh toán của thẻ tín dụng là 45 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch, lãi suất cho vay và phí chậm thanh toán theo quy định tại Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế trong bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng qu ốc tế. Đến nay anh B đã sử dụng hết hạn mức tín dụng trong thẻ nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh B phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ gồm : 179.400.713 đồng của hợp đồng tín dụng số 0071/KHTN-CBVCB ký ngày 09/12/2015, trong đó tiền gốc là 164.923.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 13.915.685 đồng, lãi quá hạn là 562.028 đồng và 160.830.033 đồng tiền thẻ tín dụng quốc tế , trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 10/9/2017 là 10.830.033 đồng.

- *Bị đơn anh Đoàn Quang B* đã được tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28/7/2017 và 16/8/2017, tham gia phiên tòa vào các ngày 06/9/2017 và 22/9/2017 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt

không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu giải quyết việc vay vốn giữa Ngân hàng với anh Đoàn Quang B, sinh năm 1982;địa chỉ làm việc : Số 79/8, khu phố BĐ, phường A, thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì "*Thời hiệu khởi kiện….tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*". Từ ngày 08/02/2017, anh Đoàn Quang B không tiếp tục thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Ngày 20/4/2017, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn.

[3] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Lê Sỹ H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 16/8/2017. Bị đơn anh Đoàn Quang B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 06/9/2017 và 22/9/2017 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh H và anh B.

[4] Xét, ngày 09/12/2015, Ngân hàng TMCP A và anh Đoàn Quang B ký Hợp đồng hạn mức cho vay số 0071/KHTN – CBVCB để vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 24/9/2012 Ngân hàng cấp cho anh B 01 thẻ tín dụng quốc tế theo yêu cầu phát hành thẻ với hạn mức tín dụng ban đầu 10.000.000 đồng, ngày 29/02/2016 anh B yêu cầu thay đổi hạn mức thẻ tín dụng lên 150.000.000 đồng và được Ngân hàng chấp thuận , là thể hiện ý chí tự nguyện của các đương sự trong giao kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh B đã nhận đủ tiền theo hợp đồng hạn mức cho vay số 0071/KHTN-CBVCB nhưng mới thanh toán cho Ngân hàng được 07 kỳ với số tiền 35.077.000 đồng, từ ngày 08/02/2017 anh B không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng như đã thỏa thuận . Đối với thẻ tín dụng , anh B đã được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 150.000.000 đồng theo như đơn yêu cầu ký ngày 29/02/2016, anh B đã sử dụng hết số tiền hạn mức được cấp trong thẻ nhưng từ ngày 22/8/2016 đến ngày Ngân hàng khởi kiện anh B không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản nào . Như vậy, anh B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh B thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại của

Hợp đồng hạn mức cho vay số 0071/KHTN-CBVCB ký ngày 09/12/2015 bao gồm tiền gốc 164.923.000 đồng, tiền lãi trong hạn 13.915.685 đồng, lãi quá hạn là 562.028 đồng và thanh toán các khoản nợ của thẻ tín dụng quốc tế là 150.000.000 đồng tiền gốc, 10.830.033 đồng tiền lãi phát sinh là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Quang B phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc anh Đoàn Quang B thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ theo Hợp đồng hạn mức cho vay số 0071/KHTN-CBVCB ngày 09/12/2015 là 179.400.713 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm nghìn bảy trăm mười ba) đồng, trong đó tiền gốc 164.923.000 (một trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) đồng, tiền lãi trong hạn 13.915.685 (mười ba triệu chín trăm mười lăm nghìn sáu trăm tám mươi lăm) đồng, lãi quá hạn là 562.028 đồng (năm trăm sáu mươi hai nghìn không trăm hai mươi tám) đồng.

Thanh toán tiền nợ của thẻ tín dụng quốc tế theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 24/9/2012 và yêu cầu thay đổi hạn mức thẻ tín dụng ngày 29/02/2016 là 160.830.033 (một trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn không trăm ba mươi ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày 10/9/2017 là 10.830.033 (mười triệu tám trăm ba mươi nghìn không trăm ba mươi ba) đồng.

Tiền lãi đối với Hợp đồng hạn mức cho vay tín dụng số 0071/KHTN-CBVCB ngày 09/12/2015 được tiếp tục tính kể từ ngày 23/9/2017 cho đến khi anh Đoàn Quang B trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Tiền lãi đối với hạn mức thẻ tín dụng quốc tế theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 24/9/2012 và yêu cầu thay đổi hạn mức thẻ tín dụng ngày 29/02/2016 được tiếp tục tính kể từ ngày 23/9/2017 cho đến khi anh Đoàn Quang B trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong phiếu yêu cầu phát hành thẻ và các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đoàn Quang B phải chịu số tiền 17.011.537 (mười bảy triệu không trăm mười một nghìn năm trăm ba mươi bảy) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 7.939.000 (bảy triệu chín trăm ba mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0009307 ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoa